

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2019/HNGĐ - ST

Ngày: **11 - 9 - 2019**

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ngọc Thi

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày **11** tháng **9** năm **2019** tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tạ Thị Tú T, sinh năm 1999 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn P, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 2, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Tạ Thị Tú T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị và anh Trần Văn P do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang và có tổ chức lễ cưới theo phong tục.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân là do anh P không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm sóc gia đình. Từ tháng 8/2018, chị và anh P sống ly thân với nhau cho đến nay.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 02/02/2018, hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn P; về con chung: yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn P là bị đơn không nộp bản tự khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Chị Tạ Thị Tú T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Trần Văn P; đây là tranh chấp về ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trần Văn P là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Anh Trần Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị Tú T và anh Trần Văn P chung sống có đăng ký kết hôn ngày 05/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Theo chị T khai quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn như: không phù hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hàng ngày thường cự cãi dẫn đến mất lòng tin với nhau. Hậu quả hai bên đã sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay.

Đối với anh P, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng đến nay anh P không nộp bản tự khai thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và Tòa án cũng không tiến hành lấy lời khai được. Xét thấy anh P không thực hiện quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự theo quy định tại Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự; không thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều

70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử nhận thấy thời gian vợ chồng chị T, anh P kết hôn cho đến nay mới được hơn 01 năm mà cuộc sống hôn nhân đã phát sinh nhiều mâu thuẫn như vậy nên tảng hôn nhân của hai vợ chồng không vững chắc. Từ thời điểm vợ chồng sống ly thân là tháng 8/2018 cho đến nay thì hai bên không gặp gỡ, thăm hỏi nhau, không bên nào thể hiện sự mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Như vậy giữa hai vợ chồng không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, hôn nhân giữa chị T và anh P không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Do đó có cơ sở để cho rằng tình trạng hôn nhân giữa hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh P.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống anh P và chị T có 01 con chung là cháu Trần Gia H, sinh ngày 02/02/2018, hiện do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T xác định có đủ điều kiện chăm sóc tốt về mọi mặt cho con nên yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh P cấp dưỡng. Xét thấy hiện tại cháu H dưới 36 tháng tuổi nên việc giao cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Trần Gia H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở **anh P** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp **anh P** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì **chị T** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của **anh P**.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Tạ Thị Tú T được ly hôn với anh Trần Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Gia H, sinh ngày 02/02/2018 cho chị Tạ Thị Tú T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

Chị T cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở **anh P** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp **anh P** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì **chị T** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của **anh P**.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Tạ Thị Tú T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005991 ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; Những người có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; Những người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp Rạch Giá;
- THADS Tp Rạch Giá;
- **UBND xã M, huyện C;**
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm